

BÁO CÁO

**Công khai dự toán ngân sách địa phương và phân bổ
ngân sách cấp tỉnh trình HĐND tỉnh năm 2025**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND tỉnh đã có Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 03/12/2024 về kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2024 xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 và Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 03/12/2024 về đánh giá tình hình thực hiện đầu tư công năm 2024 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Nay, UBND tỉnh công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025 trình HĐND tỉnh; công khai thuyết minh ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, như sau:

A. DỰ TOÁN THU NSNN VÀ THU CÂN ĐỐI NSDP

I. DỰ TOÁN THU NSNN

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn năm 2025 là 25.000 tỷ đồng, tăng 5,9% dự toán năm 2024, bằng 96,2% ước thực hiện năm 2024 và tăng 7,9% so dự toán năm 2025 Trung ương giao.

1. Thu nội địa

Dự toán thu nội địa năm 2025 là 20.800 tỷ đồng, tăng 3,5% dự toán 2024, bằng 95,9% ước thực hiện năm 2024, trong đó thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết là 17.395 tỷ đồng, bằng 100,5% dự toán năm 2024, bằng 83,9% ước thực hiện năm 2024 và tăng 5,4% so dự toán năm 2025 Trung ương giao.

Cụ thể các nguồn thu chủ yếu sau:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Dự toán thu là 713 tỷ đồng, bằng 85,4% dự toán năm 2024 và bằng 90,3% so với ước thực hiện năm 2024.

Nguồn thu ở lĩnh vực này có tính đặc thù, số thu chiếm tỷ trọng lớn là các nhà máy thủy điện, nhưng không có năng lực mới phát sinh, công suất phát điện và sản lượng điện thương phẩm tiêu thụ phụ thuộc vào thời tiết, sự điều tiết của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, giá bán điện. Dự toán năm 2025 của

các doanh nghiệp thủy điện là 430 tỷ đồng, bằng 91,5% ước thực hiện năm 2024.

Dự toán năm 2025 các doanh nghiệp còn lại là 283 tỷ đồng, bằng 88,4% so với ước thực hiện năm 2024.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Dự toán thu là 80 tỷ đồng, tăng 14,3% dự toán năm 2024, tăng 6,7% so với ước thực hiện năm 2024.

Khối doanh nghiệp này hầu như không có năng lực mới tăng thêm và có chiều hướng giảm dần qua từng năm do thực hiện cổ phần hóa, đa số là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, hoạt động công ích. Tuy nhiên, trong năm 2024, có 03 doanh nghiệp kê khai bổ sung quyết toán của những năm trước dẫn đến số nộp tăng cao.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán là 1.080 tỷ đồng, bằng 73% dự toán năm 2024 và bằng 76% so với ước thực hiện năm 2024.

Nguồn thu từ Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An dự kiến là 580 tỷ đồng, bằng 89,2% so với ước thực hiện; số thu ở Nam Hội An không ổn định, phụ thuộc nhiều vào tình hình mở cửa du lịch của Trung Quốc và một số nước.

Các doanh nghiệp khác còn lại dự toán năm 2025 là 500 tỷ đồng.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: Dự toán khu vực này là 12.522 tỷ đồng, bằng 100,3% dự toán năm 2024 và bằng 80,6% so với ước thực hiện năm 2024, trong đó:

Các Công ty ô tô du lịch thuộc Tập đoàn Trường Hải, dự kiến trong điều kiện không còn các chính sách hỗ trợ, kích cầu; sự cạnh tranh mạnh mẽ của các thương hiệu khác trong và ngoài nước, đặc biệt là dòng ô tô điện nên sẽ gặp khó khăn hơn trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh; bên cạnh đó nhu cầu mua sắm mới của người dân, doanh nghiệp có xu hướng bão hòa sẽ làm cho sản lượng tiêu thụ giảm so với năm 2024, dự kiến thu ngân sách năm 2025 là 9.180 tỷ đồng, bằng 98,7% dự toán năm 2024 và bằng 78,8% so với ước thực hiện năm 2024.

Các doanh nghiệp thủy điện thuộc khối này dự toán 600 tỷ đồng, tăng 1,7% dự toán năm 2024 và bằng 92,3% ước thực hiện năm 2024.

Các doanh nghiệp còn lại và hộ, cá nhân kinh doanh dự toán 2025 là 2.742 tỷ đồng, tăng 5,6% dự toán năm 2024 và bằng 85,6% so với ước thực hiện năm 2024.

- Lệ phí trước bạ: Dự toán là 320 tỷ đồng, tăng 6,7% dự toán năm 2024 và bằng 94% ước thực hiện năm 2024.

- Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán năm 2025 là 950 tỷ đồng, tăng 9,2% dự toán năm 2024 và bằng 95% so với ước thực hiện năm 2024.

Thuế thu nhập cá nhân chủ yếu thu từ tiền lương, tiền công; các nguồn thu còn lại như: Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn, từ cho thuê tài sản, từ trúng thưởng và từ hộ kinh doanh dự báo có tăng trưởng, tuy nhiên số thu từ các

nguồn này không nhiều, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số thu thuế thu nhập cá nhân.

- Thuế bảo vệ môi trường: Dự toán là 750 tỷ đồng, bằng dự toán trung ương giao, tăng 174,4% ước thực hiện năm 2024.

- Thu phí, lệ phí: Dự toán là 350 tỷ đồng, tăng 20% dự toán năm 2024 và tương đương ước thực hiện năm 2024; dự báo trong năm 2025, tình hình du lịch dần được phục hồi, nguồn thu phí tham quan sẽ tăng trở lại.

- Thu tiền sử dụng đất: Dự toán 3.300 tỷ đồng, tăng 22,2% dự toán năm 2024 và tăng 338,2% ước thực hiện năm 2024 do các dự án 2024 chưa triển khai, kéo dài sang năm 2025.

Dự kiến tình hình các dự án thu tiền sử dụng đất trên địa bàn có khả năng dần phục hồi, bên cạnh đó khi thị trường bất động sản có sự chuyển biến thì các doanh nghiệp có nguồn tài chính để nộp các khoản tiền sử dụng đất còn nợ vào ngân sách, hiện nay khoản nợ tiền sử dụng đất còn rất lớn.

- Thu tiền thuê đất: Dự toán là 170 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2024, chỉ bằng 68% ước thực hiện năm 2024.

- Thu khác ngân sách: Dự toán là 275 tỷ đồng, tương đương dự toán năm 2024 và bằng 83,3% so với ước thực hiện năm 2024.

- Thu từ hoạt động xổ số: Dự toán là 105 tỷ đồng, bằng ước thực hiện năm 2024.

2. Thu thuế xuất nhập khẩu.

Dự toán năm 2025 là 4.200 tỷ đồng, tăng 20% dự toán năm 2024 và bằng 97,7% ước thực hiện năm 2024, trong đó số thu của Công ty Trường Hải chiếm 80% số thu (3.360 tỷ đồng), máy móc thiết bị chiếm 11% số thu (462 tỷ đồng), các mặt hàng khác chiếm 9% số thu (378 tỷ đồng).

II. DỰ TOÁN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP) được xác định trên cơ sở số thu NSNN trên địa bàn, phân cấp nguồn thu, tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh; số bổ sung có mục tiêu của Chính phủ giao và số thu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025.

Dự toán thu cân đối NSDP năm 2025 là 34.828 tỷ đồng, trong đó:

1. Thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng là 17.412 tỷ đồng, tăng 3,6% dự toán năm 2024, bằng 97.7% ước thực hiện năm 2024, gồm:

- a) Tiền sử dụng đất là 3.300 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp tỉnh là 1.459,9 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã 1.840,1 tỷ đồng.

- b) Tiền thu xổ số kiến thiết là 105 tỷ đồng;

- c) Thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết là 14.007 tỷ đồng, giảm 969 tỷ đồng so với dự toán năm 2023 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách), trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh là 8.997 tỷ đồng, giảm 1.623 tỷ đồng so với dự toán năm 2023.

- Ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) là 5.010 tỷ đồng, tăng 653 tỷ đồng so với dự toán năm 2023, trong đó:

+ Có 13 địa phương tăng thu so dự toán năm 2023 là 1.065 tỷ đồng, gồm: Duy Xuyên: 346 tỷ đồng, Hội An: 258 tỷ đồng, Phước Sơn 133 tỷ đồng, Tam Kỳ 95 tỷ đồng, Thăng Bình 83 tỷ đồng, Nam Trà My 39 tỷ đồng, Phú Ninh 35 tỷ đồng, Đông Giang 22 tỷ đồng, Tiên Phước 19 tỷ đồng, Bắc Trà My 16 tỷ đồng, Hiệp Đức 12 tỷ đồng, Nông Sơn 5 tỷ đồng, Tây Giang 2 tỷ đồng.

Các địa phương này phải trích 50% tạo nguồn cải cách tiền lương là 465 tỷ đồng, được sử dụng tăng chi 600 tỷ đồng.

+ Có 5 địa phương giảm thu so dự toán năm 2023 là 412 tỷ đồng, trong đó Điện Bàn hụt 267 tỷ đồng, huyện Nam Giang hụt 57 tỷ đồng, huyện Núi Thành 42 tỷ đồng, Đại Lộc 39 tỷ đồng, Quế Sơn 7 tỷ đồng.

Các địa phương hụt thu so với năm 2023, ngân sách cấp tỉnh sẽ cấp bù để đảm bảo mặt bằng chi không thấp hơn chi theo định mức.

2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương là 4.223 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: là 749 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 239 tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư là 191 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 48 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 203 tỷ đồng (vốn đầu tư).

- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 307 tỷ đồng (vốn đầu tư).

b) Vốn đầu tư chương trình mục tiêu, nhiệm vụ là 2.228 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách là 1.246,3 tỷ đồng (Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật, Hội nhà báo 0,6 tỷ đồng; kinh phí tăng biên chế giáo viên 14,4 tỷ đồng; kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất đất lúa 20,2 tỷ đồng; hỗ trợ đảm bảo mặt bằng chi NSDP 1.056,4 tỷ đồng; kinh phí đảm bảo an toàn giao thông 10,7 tỷ đồng; kinh phí thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững 63 tỷ đồng; phí đường bộ 72 tỷ đồng).

3. Thu chuyển nguồn là 13.154 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn cải cách tiền lương là 11.554 tỷ đồng.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi dự toán năm 2024 chuyển sang cân đối vào dự toán năm 2025 là 1.600 tỷ đồng (tăng thu 659 tỷ đồng, tiết kiệm chi 941 tỷ đồng).

4. Thu viện trợ (thực hiện ghi thu, ghi chi) là 39 tỷ đồng.

B. DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2025

Trên cơ sở đánh giá tình hình ước thực hiện chi NSNN năm 2024 và căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, số thu cân đối ngân sách năm 2025, định mức chi đầu tư và định mức chi thường xuyên và các chính sách

an sinh xã hội, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của cấp có thẩm quyền, số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương..., UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025 với các nội dung sau:

I. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP

1. Cân đối chi ngân sách địa phương

- Dự toán chi ngân sách địa phương trên cơ sở thu cân đối ngân sách địa phương năm 2025, đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương theo phân cấp của Luật NSNN; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương quy định; kinh phí thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đảm bảo vốn đối ứng, trích tạo nguồn CCTL và bố trí trả nợ vay, phí vay, dự phòng ngân sách theo quy định.

- Phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Riêng đối với kinh phí trung ương hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng dự toán chi được cân đối vào nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

- Phân bổ dự toán chi cho từng lĩnh vực chi đến đơn vị sử dụng ngân sách và ngân sách cấp huyện.

Đối với những nội dung chi đã phân bổ trên từng lĩnh vực chi, nhưng chưa đảm bảo đủ điều kiện phân bổ chi tiết cho đơn vị dự toán cấp 1, ngân sách cấp huyện và các nội dung chi chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền; trong điều hành ngân sách, sau khi rà soát, kiểm tra xét thấy đảm bảo đủ điều kiện phân bổ chi tiết, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định và báo cáo HĐND tỉnh theo quy định.

2. Phân bổ vốn đầu tư phát triển

- Phân bổ vốn đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 20/11/2020, Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 20/11/2020, Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh; ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được khấu trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án liên huyện theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh.

- Ưu tiên bố trí dự toán năm 2025 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án hoàn thành trong năm 2025, vốn các công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXIII; đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bố trí đủ vốn để trả nợ vay theo cam kết.

- Phân bổ vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu theo dự toán của cấp có thẩm quyền quyết định và đảm bảo vốn đối ứng ngân sách các cấp theo quy định. Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất (không bao gồm 20% để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội của một số dự án) thực hiện nhập dự toán và giải ngân theo tiến độ thu phát sinh, phân bổ cụ thể:

+ Đối với cấp tỉnh: Cấp vốn điều lệ cho Ngân hàng Chính sách - xã hội (bao gồm nguồn vốn cho vay thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát), các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật Đầu tư công. Tiền sử dụng đất còn lại bố trí đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Đối với cấp huyện: Dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... theo quy định tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Tiền sử dụng đất còn lại bố trí đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đối với kinh phí 10% số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 20% tiền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, trong niên độ ngân sách không sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục phân bổ sử dụng cho 2 nội dung nêu trên theo quy định.

- Nguồn thu từ xổ số kiến thiết, được sử dụng đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy và học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của NSDP, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

- Bố trí nguồn bội chi theo dự toán Chính phủ giao.

3. Phân bổ chi thường xuyên

3.1. Chi thường xuyên ngân sách địa phương

- Phân bổ chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh

- Bố trí chi cho sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp khoa học công nghệ theo định hướng của cấp có thẩm quyền.

- Phân bổ kinh phí chi thường xuyên đảm bảo thực hiện tiền lương tăng thêm theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, bao gồm quỹ tiền thưởng và các chính sách do Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức chi theo lương cơ sở.

- Bổ sung kinh phí theo mục tiêu để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế theo phân kỳ nguồn vốn hằng năm của Nghị quyết và khả năng cân đối ngân sách; chỉ thực hiện trong phạm vi dự toán được phân bổ đầu năm.

- Phân bổ đảm bảo kinh phí theo mục tiêu để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội theo số quyết toán năm 2023 và khả năng cân đối ngân sách, trong điều hành sẽ xem xét bổ sung thêm khi xuất hiện nguồn; khi quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp thiếu ngân sách tỉnh bổ sung, thừa các địa phương nộp trả ngân sách tỉnh.

- Ngoài tiết kiệm chi 10% tạo nguồn cải cách tiền lương, các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025 so với năm dự toán 2024 theo quy định tại Công điện số 85/CĐ-TTg ngày 02/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Đối với các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ chi hoạt động lĩnh vực quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể và chi hoạt động của các sự nghiệp năm 2025 (trừ hoạt động lĩnh vực sự nghiệp giáo dục) tiếp tục phân bổ trên cơ sở Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh và tăng thêm tỷ lệ 10% so với định mức.

Đối với biên chế được giao cho Trung tâm Hành chính công và Văn phòng Điều phối Nông thôn mới giao kinh phí hoạt động và tính quỹ tiền lương như biên chế công chức, nhưng không phân bổ dự toán kinh phí cho số viên chức chưa có mặt.

Định mức phân bổ cho các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành được áp dụng hệ số theo quy định tại Nghị quyết 16/2024/NQ-HĐND, riêng đơn vị trực thuộc đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách của chính đơn vị dự toán đó (Văn phòng Sở) thì kinh phí hoạt động được phân bổ theo tiêu chí là đơn vị dự toán cấp 1 (hệ số 1 theo định mức). Phân bổ định mức cho đơn vị Báo Quảng Nam được áp dụng theo định mức đơn vị trực thuộc UBND tỉnh theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đã được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đối với hợp đồng hỗ trợ phục vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4), ngân sách tiếp tục bố trí dự toán kinh phí tiền công, kinh phí hoạt động của đối tượng theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh theo số lượng thực tế của đơn vị.

- Các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo đúng quy định. Ngoài ra, ngân sách tỉnh xác định và bố trí nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo lập nguồn cải cách tiền lương đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026.

- Về chi sự nghiệp y tế: Thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế; trên cơ sở tình hình thực hiện thu, thanh quyết

toán nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế trong các năm qua, các ngành đã xác định dự toán thu năm 2025 để làm cơ sở cơ cấu lại nguồn ngân sách tỉnh chi cho sự nghiệp y tế; bố trí thực hiện các kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt; tiếp tục bố trí nguồn ngân sách tăng cường cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế.

Ngân sách tỉnh thực hiện cân đối bố trí trong dự toán đầu năm cho các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh; Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố (được phân loại thuộc nhóm 3) phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trong trường hợp, nguồn thu khám chữa bệnh; thu hoạt động dịch vụ của các đơn vị này đạt và vượt dự toán thu đã được giao; đồng thời, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của đơn vị. Giao UBND tỉnh kiểm tra và thực hiện thu hồi dự toán kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí cho đơn vị.

- Về chi lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo và nghề nghiệp: thực hiện phân bổ theo định mức quy định tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh và cộng thêm chi phí tăng do tăng mức lương cơ sở theo cơ cấu. Trong năm 2025, sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đơn giá dịch vụ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp sẽ triển khai đặt hàng theo quy định trong phạm vi dự toán đã giao.

- Đối với các Hội đặc thù nhà nước giao chỉ tiêu biên chế, tăng 10% so với định mức phân bổ tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh. Các tổ chức Hội có tính chất đặc thù được sử dụng dự toán chi hoạt động thường xuyên để đảm bảo các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động của đơn vị, như: tổ chức các hội nghị, hội thảo, thông tin liên lạc, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, công tác phí; mua sắm, thay thế các công cụ, dụng cụ, tài sản, sửa chữa thường xuyên tài sản; kỷ niệm các ngày lễ trong năm; công tác bình đẳng giới,...

- Đối với kinh phí thực hiện quy hoạch có tính chất chuyên ngành và quy hoạch thực hiện theo Luật Xây dựng, bố trí kinh phí thực hiện theo Thông tư số 32/2023/TT-BTC.

- Ngoài ra, ngân sách tiếp tục bố trí các khoản chi ngoài định mức (không tự chủ, không thường xuyên) để các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ tỉnh giao, thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được tỉnh phê duyệt.

- Về chi lĩnh vực đảm bảo xã hội: trong khi chưa xây dựng đơn giá dịch vụ sự nghiệp công của lĩnh vực này, ngân sách tỉnh tiếp tục thực hiện bố trí dự toán cho đơn vị theo mức đã bố trí năm 2024 và có tỷ lệ tăng thêm do tăng mức tiền lương cơ sở để thực hiện đặt hàng cho đơn vị.

- Dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn để thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3.3. Đối với ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã):

- Phân bổ kinh phí hoạt động hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh và số

lượng định suất hợp đồng giao tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh. Kinh phí hoạt động của các hợp đồng lao động phát sinh ngoài nội dung nêu trên trong thời kỳ ổn định ngân sách do ngân sách cấp huyện đảm bảo.

- Tiếp tục bổ sung chi hành chính cho các huyện có xã biên giới với mức 300 triệu đồng/xã biên giới để tuyên truyền quản lý biên giới và mở rộng đối ngoại với các huyện nước bạn Lào;

- Hỗ trợ kinh phí mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung/ huyện, thị xã, thành phố theo tiêu chuẩn, định mức quy định; mức hỗ trợ: Mua xe dưới 9 chỗ 1 cầu là 950 triệu đồng, mua xe 12-16 chỗ là 1.300 triệu đồng, mua xe dưới 9 chỗ 2 cầu là 1.600 triệu đồng (trừ huyện Nông Sơn và Quế Sơn do sáp nhập).

- Hỗ trợ duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới, phần đầu huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 và huyện nông thôn mới nâng cao, mức 10 tỷ/huyện (trừ huyện Nông Sơn do sáp nhập).

- Hỗ trợ sửa chữa trụ sở UBND xã, phường, thị trấn: Tiêu chí hỗ trợ 20% số xã, phường, thị trấn; mức hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

- Hỗ trợ kinh phí an ninh, quốc phòng cho một số địa phương để mua sắm cơ sở vật chất và sửa chữa trụ sở làm việc.

- Hỗ trợ thành phố Tam Kỳ để bổ sung nguồn kiến thiết thị chính đô thị tỉnh lý là 30.000 triệu đồng theo Thông báo số 881-TB/TU ngày 26/9/2024 của Tỉnh ủy và Công văn số 1038-CV/BCSD ngày 30/9/2024 của Ban cán sự Đảng ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bổ sung kinh phí xây dựng và phát triển thành phố Hội An theo định hướng thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch đến năm 2030 theo Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 31/7/2023 của Tỉnh ủy là 15.000 triệu đồng.

4. Trích tạo nguồn và quản lý nguồn cải cách tiền lương

a) Trích tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025 từ các nguồn:

- Nguồn cải cách tiền lương chưa sử dụng năm 2024 chuyển sang.

- Các cấp ngân sách sử dụng 70% nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán năm 2024 (sau khi loại trừ các khoản thu không sử dụng để trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định) để bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Các cấp ngân sách sử dụng 50% số tăng thu dự toán năm 2025 cấp trên giao so dự toán năm 2023 cấp trên giao (sau khi loại trừ các khoản thu không sử dụng để trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định) để bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Các cấp ngân sách sử dụng 70% số tăng thu dự toán năm 2025 HĐND cấp mình giao so dự toán năm 2025 cấp trên giao (sau khi loại trừ các khoản thu không sử dụng để trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định) để bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của dự toán năm 2025

(trừ các đơn vị sự nghiệp mà ngân sách phân bổ chi thường xuyên theo cơ chế Nhà nước đặt hàng).

- Đối với các cơ quan hành chính nhà nước: Trích 40% số thu phí được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

- + Đối với số thu phí: Sử dụng 40% số thu được để lại theo chế độ (đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định) sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

- + Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: Sử dụng 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

- + Đối với số thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: Sử dụng 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao khoán kinh phí và tự bảo đảm tiền lương: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

b) Quản lý nguồn cải cách tiền lương: Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trích lập và nộp về ngân sách tỉnh nguồn cải cách tiền lương theo quy định để quản lý tập trung tại ngân sách tỉnh.

II. PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2025

1. Phân bổ dự toán chi năm 2025 theo nhiệm vụ chi

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 là 35.205,2 tỷ đồng, tăng 12,2% so với dự toán năm 2024, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh chi 18.232,8 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, xã chi 16.972,4 tỷ đồng.

1.1. Chi cân đối ngân sách: Dự toán năm 2025 là 32.047,5 tỷ đồng, tăng 13,1% so với dự toán năm 2024, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh chi 16.048,1 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, xã chi 15.999,4 tỷ đồng. Cụ thể:

a) Chi đầu tư phát triển là 5.382,8 tỷ đồng, tăng 9,8% so dự toán năm 2024.

- Chi đầu tư cho các dự án: 5.382,8 tỷ đồng, tăng 14,2 so với dự toán năm 2024, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh chi 2.359,2 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, xã chi 3.023,6 tỷ đồng; gồm:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước theo định mức phân bổ là 1.200,8 tỷ đồng, bằng dự toán trung ương giao và bằng 100% với dự toán năm 2024, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh chi 623,3 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, xã chi 577,5 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ tiền sử dụng đất là 3.300 tỷ đồng, trong đó:

Ngân sách cấp tỉnh chi 1.172,5 trong đó: Chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là 245,8 tỷ đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh 170 tỷ đồng (có 50 tỷ đồng thực hiện chính sách cho vay xóa nhà tạm, nhà dột nát); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Nam 61,8 tỷ đồng; Quỹ Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam 7 tỷ đồng, Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Nam 7 tỷ đồng); bổ sung vốn đầu tư 926,7 tỷ đồng

Ngân sách cấp huyện, xã chi 2.127,5 tỷ đồng (từ nguồn tiền sử dụng đất của ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu cho cấp huyện là 287,4 tỷ đồng và từ nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách cấp huyện được hưởng 1.840,1 tỷ đồng).

+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 105 tỷ đồng, tăng 5% so với dự toán năm 2024, trong đó cấp tỉnh chi 86,9 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi theo mục tiêu 18,1 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi là 400 tỷ đồng, tăng 13,6% dự toán năm 2024, trong đó cấp tỉnh chi 99,5 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi theo mục tiêu 300,5 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương, cấp tỉnh chi là 377 tỷ đồng, bằng số Trung ương giao.

b) Chi thường xuyên.

Dự toán chi thường xuyên năm 2025 là 17.106,9 tỷ đồng, tăng 21,1% so dự toán năm 2024, trong đó, chi từ nguồn cải cách tiền lương để thực hiện tăng lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ là 3.052 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi thường xuyên năm 2025 là 14.054,9 tỷ đồng, tương đương dự toán năm 2024.

Cụ thể như sau:

- Chi quốc phòng: 280 tỷ đồng, tăng 15,6% so với dự toán năm 2024, trong đó cấp tỉnh chi 113,9 tỷ và cấp huyện, xã chi 166,1 tỷ đồng.

- Chi an ninh: 158,8 tỷ đồng, tăng 60,7% so với dự toán năm 2024, trong đó cấp tỉnh chi 30,1 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 128,7 tỷ đồng. Nguyên nhân dự toán năm 2025 tăng cao so với dự toán 2024 là do dự toán 2025 bố trí chi

thực hiện chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở theo Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 26/6/2024 của HĐND tỉnh.

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 6.539,3 tỷ đồng, tăng 4,5% so với dự toán Trung ương giao và tăng 28,1% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện CCTL là 1.865,3 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện CCTL thì chi sự nghiệp giáo dục năm 2025 là 4.664 tỷ đồng, tăng 2,7% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 1.365,8 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 5.173,5 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp y tế: 1.197 tỷ đồng, tăng 15,2% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 245,8 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi sự nghiệp y tế năm 2025 là 961,3 tỷ đồng, tăng 4% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 1.077,8 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 119,2 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 32,1 tỷ đồng chi cho ngân sách tỉnh, bằng dự toán Trung ương giao và bằng 96,3% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 0,766 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện CCTL thì chi sự nghiệp khoa học công nghệ năm 2025 là 31,3 tỷ đồng, bằng 94,6% so với dự toán năm 2024.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 321,5 tỷ đồng, tăng 40,4% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 25,2 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi sự nghiệp văn hóa - thể thao năm 2025 là 291,4 tỷ đồng, tăng 31,2% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 182,2 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 139,3 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 93,2 tỷ đồng, tăng 18,7% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 5,7 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi sự nghiệp phát thanh truyền hình năm 2025 là 87,6 tỷ đồng, tăng 3,5% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 52,4 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 40,8 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 133,5 tỷ đồng, tăng 21% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 2,5 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi sự nghiệp thể dục thể thao năm 2025 là 131 tỷ đồng, tăng 9,5% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 102,2 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 31,3 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 1.534,7 tỷ đồng, tăng 25,8% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 32,8 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi sự nghiệp đảm bảo xã hội năm 2025 là 1.501,9 tỷ đồng, tăng 223% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 214,7 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 1.320 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 2.472,4 tỷ đồng, bằng 98,8% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương là 36,6 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi sự nghiệp kinh tế năm 2025 là 2.40,8 tỷ đồng, bằng 98% so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 746,1 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 1.726,3 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp môi trường: 108,3 tỷ đồng, bằng 66% so với dự toán năm 2024, nếu loại trừ năm 2024 có bổ sung xử lý môi trường huyện 56 tỷ đồng, thì chi sự nghiệp môi trường năm 2025 tương đương năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 31,9 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 76,4 tỷ đồng.

- Chi Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 3.757,4 tỷ đồng, tăng 20,2% so với dự toán năm 2024, trong đó, chi thực hiện cải cách tiền lương 833,6 tỷ đồng, nếu loại trừ chi thực hiện cải cách tiền lương thì chi quản lý hành chính năm 2025 là 2.923,8 tỷ đồng, tăng 2,0 % so với dự toán năm 2024; trong đó cấp tỉnh chi 785,5 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 2.971,9 tỷ đồng.

- Chi khác: 478,6 tỷ đồng, tăng 2,7 lần dự toán năm 2024, do chi từ nguồn tăng thu huyện 400,4 tỷ đồng (Cấp huyện trình HĐND cùng cấp phân bổ cho các lĩnh vực chi theo quy định), trong đó cấp tỉnh chi 43 tỷ đồng và cấp huyện, xã chi 435,6 tỷ đồng.

c) Chi trả lãi do chính quyền địa phương vay: Dự toán là 89,8 tỷ đồng, theo số trung ương giao.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: Dự toán là 1,45 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2024 và Trung ương giao.

đ) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: Dự toán là 8.946,7 tỷ đồng, gồm nguồn năm 2024 chuyển sang 11.554 tỷ đồng, 10% tiết kiệm chi 200 tỷ đồng, 70% tăng thu so dự toán trung ương giao 490,5 tỷ đồng, 50% tăng thu dự toán huyện năm 2025 so với dự toán 2023 là 464,9 tỷ đồng; chi thực hiện cải cách tiền lương 3.052 tỷ đồng, chi thực hiện các sách an sinh xã hội do trung ương ban hành 710,8 tỷ đồng.

e) Chi dự phòng ngân sách là 481 tỷ đồng, bằng 2,2%/tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ chi tạo nguồn cải cách tiền lương và số bội chi ngân sách địa phương), trong đó cấp tỉnh 303,8 tỷ đồng và cấp huyện, xã 177,2 tỷ đồng.

g) Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại 38,8 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh chi 34,3 tỷ đồng và cấp huyện chi 4,5 tỷ đồng.

1.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: Dự toán là 3.157,7 tỷ đồng.

Dự toán trung ương giao số bổ sung có mục tiêu là 4.223,1 tỷ đồng; địa phương phân bổ cân đối chi thường xuyên là 1.065,4 tỷ đồng (hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng dự toán chi ngân sách địa phương) và phân bổ chi thực hiện các chương trình mục tiêu là 3.157,7 tỷ đồng, trong đó:

a) Chi chương trình mục tiêu quốc gia là 749 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 239,2 tỷ đồng, gồm chi đầu tư 191,6 tỷ đồng (*phân bổ cho cấp huyện 140,3 tỷ, cấp tỉnh 51,3 tỷ đồng*), chi thường xuyên: 47,6 tỷ đồng, do chưa đủ điều kiện phân bổ nên theo dõi phân bổ sau.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 202,5 tỷ đồng chi đầu tư (phân bổ cho cấp huyện 188 tỷ đồng và cấp tỉnh 14,5 tỷ đồng); chi thường xuyên trung ương chưa giao dự toán.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 307,2 tỷ đồng chi đầu tư (*chưa đủ điều kiện phân bổ nên theo dõi phân bổ sau*), chi thường xuyên trung ương chưa giao dự toán.

b) Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ là 2.408,7 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư là 2.227,8 tỷ đồng (vốn trong nước 1.806,9 tỷ đồng, vốn nước ngoài 420,9 tỷ đồng), trong đó: ngân sách cấp tỉnh chi 1.605,1 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã chi 622,7 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp (vốn trong nước) 180,9 tỷ đồng gồm: Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật địa phương 0,442 tỷ đồng; Hỗ trợ các Hội nhà báo địa phương 0,16 tỷ đồng; Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm 14,366 tỷ đồng; Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa 20,232 tỷ đồng; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông 10,667 tỷ đồng; Kinh phí thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững 63,070 tỷ đồng; Phí sử dụng đường bộ 71,961 tỷ đồng.

2. Phân bổ dự toán chi theo cấp ngân sách

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 là 35.205,2 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh chi 18.232,8 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, xã chi 16.972,4 tỷ đồng

2.1. Ngân sách tỉnh chi:

a) Ngân sách tỉnh trực tiếp chi:	18.232,8 tỷ đồng.
- Chi cân đối ngân sách địa phương:	16.048,1 tỷ đồng.
+ <i>Chi đầu tư phát triển:</i>	2.359,2 tỷ đồng.
+ <i>Chi thường xuyên:</i>	4.777,8 tỷ đồng.
+ <i>Chi trả nợ lãi các khoản vay:</i>	89,8 tỷ đồng.
+ <i>Chi lập Quỹ dự trữ tài chính:</i>	1,4 tỷ đồng.
+ <i>Dự phòng ngân sách:</i>	303,8 tỷ đồng.
+ <i>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:</i>	8.481,8 tỷ đồng.
+ <i>Chi viện trợ không hoàn lại (GTGC):</i>	34,3 tỷ đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu:	2.184,7 tỷ đồng.

b) Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện:	10.122,6 tỷ đồng.
- Bổ sung cân đối ngân sách:	3.185,9 tỷ đồng.
- Bổ sung có mục tiêu:	6.936,7 tỷ đồng.

2.1. Ngân sách cấp huyện trực tiếp chi: 16.972,4 tỷ đồng.

a) Chi cân đối ngân sách địa phương:	15.999,4 tỷ đồng.
- <i>Chi đầu tư phát triển:</i>	3.023,6 tỷ đồng.
- <i>Chi thường xuyên:</i>	12.329,1 tỷ đồng.
- <i>Chi viện trợ không hoàn lại (GTGC):</i>	4,5 tỷ đồng.
- <i>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:</i>	464,9 tỷ đồng.
- <i>Dự phòng ngân sách:</i>	177,2 tỷ đồng.

b) Chi các chương trình mục tiêu: 973,0 tỷ đồng.

C. BỘI CHI VÀ CHI TRẢ NỢ GỐC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Hạn mức vay: Hạn mức vay tối đa theo quy định 30% số thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng là 5.223,6 tỷ đồng (17.412 tỷ đồng x 30%).

2. Bội chi năm 2025:

- Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025: 34.828,2 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025: 35.205,2 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương năm 2025: 377,0 tỷ đồng.

II. CHI TRẢ NỢ GỐC.

1. Tổng nợ gốc phải trả trong năm là 88,3 tỷ đồng.

2. Nguồn trả nợ gốc: Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025 cân đối vốn đầu tư.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

UBND tỉnh công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- TT TU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng